

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHẨM LOẠI TỨC
QUYỂN 5

Phẩm 5: **BIỆN VỀ TÙY MIÊN**, Phần 3

Hỏi: Vô minh do thấy diệt mà đoạn trừ: Có bao nhiêu thứ tùy miên là sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng? Có bao nhiêu thứ tùy miên tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên? Có bao nhiêu thứ tùy miên là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng? Có bao nhiêu thứ tùy miên không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải là tương ứng?

Đáp: Sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng, là do thấy diệt mà đoạn trừ vô minh duyên hữu lậu và các thứ tùy miên biến hành.

Tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên: Là trừ ra thấy diệt mà đoạn trừ vô minh duyên vô lậu, còn các thứ khác đều do thấy diệt mà đoạn trừ các thứ tùy miên duyên vô lậu.

Sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng, là trừ ra do thấy diệt mà đoạn trừ vô minh duyên hữu lậu. Còn các thứ khác đều do thấy diệt mà đoạn trừ các thứ tùy miên duyên hữu lậu.

Không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải là tương ứng, là do thấy diệt mà đoạn trừ vô minh duyên vô lậu, và do thấy khổ-tập mà đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, cũng do thấy đạo-tu mà đoạn trừ tất cả các thứ tùy miên.

Đối với pháp mà tùy miên tương ứng: Sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng là các tùy miên biến hành.

Tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên: Là do thấy diệt mà đoạn trừ các thứ tùy miên duyên vô lậu.

Sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng, là do thấy diệt mà đoạn trừ các tùy miên duyên hữu lậu.

Không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải là tương ứng, là do thấy khổ-tập mà đoạn trừ các thứ không phải biến hành, và do thấy đạo-tu mà đoạn trừ tất cả các thứ tùy miên. Đối với nó luôn khởi tâm bất tương ứng hành, nên do thấy diệt mà đoạn trừ các thứ duyên hữu lậu và các thứ tùy miên biến hành. Sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng.

Còn các tùy miên khác thì không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải tương ứng.

Do thấy đạo mà đoạn trừ cũng như thế.

Hỏi: Tham do tu mà đoạn trừ: Có bao nhiêu thứ tùy miên là sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng? Có bao nhiêu thứ tùy miên tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên? Có bao nhiêu thứ tùy miên là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng? Có bao nhiêu thứ tùy miên không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải là tương ứng?

Đáp: Sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng, là do thấy diệt mà đoạn trừ các tham lam tương ứng với vô minh, còn các thứ khác đều do tu mà đoạn trừ tất cả các thứ tùy miên biến hành.

Tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên: Là không có điều này.

Sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng, là do tu mà đoạn trừ các tham tương ứng với vô minh.

Không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải tương ứng, là do thấy khổ-tập mà đoạn trừ các thứ không phải biến hành, và do thấy diệt-đạo mà đoạn trừ tất cả các thứ tùy miên.

Đối với pháp mà tùy miên tương ứng: Sở duyên vốn tùy tăng mà không phải là tương ứng, là trừ ra do tu mà đoạn trừ tất cả, cùng với các thứ tùy miên biến hành.

Tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên: Không có điều này.

Sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng, là do tu mà đoạn trừ các tham tương ứng với vô minh.

Không phải sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải là tương ứng, là do thấy khổ-tập mà đoạn trừ các thứ không phải biến hành, và do thấy diệt-đạo mà đoạn trừ tất cả các tùy miên. Đối với nó luôn khởi tâm bất tương ứng hành, nên do tu mà đoạn trừ tất cả các thứ tùy miên biến hành. Là sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng, còn các thứ tùy miên khác thì không phải là sở duyên vốn là tùy tăng

mà cũng không phải là tương ứng.

Do tu mà đoạn trừ các thứ sân giận, kiêu mạn cũng thế.

Hỏi: Vô minh do tu mà đoạn trừ: Có bao nhiêu thứ tùy miên là sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng? Có bao nhiêu thứ tùy miên tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên? Có bao nhiêu thứ tùy miên là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng? Có bao nhiêu thứ tùy miên không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải là tương ứng?

Đáp: Sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng, là do tu mà đoạn trừ vô minh và các tùy miên biến hành.

Tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên: Là không có điều này.

Sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng, là trừ ra do tu mà đoạn trừ vô minh, các thứ khác đều do tu mà đoạn trừ tất cả các tùy miên.

Không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải tương ứng, là do thấy tập-khổ mà đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, và do thấy diệt-đạo mà đoạn trừ tất cả các tùy miên.

Đối với pháp mà tùy miên tương ứng: Sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng, là các tùy miên biến hành.

Tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên: Là không có điều này.

Sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng, là do tu mà đoạn trừ tất cả các tùy miên.

Không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải tương ứng, là do thấy khổ-tập mà đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, và do thấy diệt-đạo mà đoạn trừ tất cả các thứ tùy miên. Đối với nó luôn khởi tâm bất tương ứng hành, nên do tu đạo mà đoạn trừ tất cả, và các thứ tùy miên biến hành, sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng. Còn các tùy miên khác không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải tương ứng.

Có bốn mươi tám thứ vô minh: Tức là thấy diệt mà đoạn trừ các tà kiến tương ứng với vô minh. Thấy diệt mà đoạn trừ các thứ nghi tương ứng với vô minh. Thấy diệt mà đoạn trừ các tà kiến và nghi tương ứng với vô minh. Thấy diệt mà đoạn trừ các tà kiến không tương ứng với vô minh. Thấy diệt mà đoạn trừ các nghi không tương ứng với vô minh. Thấy diệt mà đoạn trừ tà kiến và nghi không tương ứng với vô minh.

Thấy đạo mà đoạn trừ cũng vậy. Không hệ thuộc cõi nào, thuộc

về cõi Dục-Sắc-Vô sắc cũng như thế.

Hỏi: Tà kiến tương ứng với vô minh do thấy diệt mà đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do thấy diệt mà đoạn trừ các tà kiến, và thấy diệt mà đoạn trừ các duyên hữu lậu, cùng các thứ tùy miên biến hành. Đối với pháp mà nó tương ứng, do thấy diệt mà đoạn trừ các tà kiến tương ứng với vô minh, hoặc thấy diệt mà đoạn trừ các duyên hữu lậu, hoặc các thứ tùy miên biến hành. Đối với nó luôn khởi tâm bất tương ứng hành, nên do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên hữu lậu và các thứ tùy miên biến hành.

Hỏi: Nghi tương ứng với vô minh do thấy diệt mà đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do thấy diệt mà đoạn trừ các nghi ngờ, và do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên hữu lậu, cùng các tùy miên biến hành. Đối với pháp mà nó tương ứng, do thấy diệt mà đoạn trừ các nghi ngờ tương ứng với vô minh, hoặc thấy diệt mà đoạn trừ các duyên hữu lậu, hoặc các thứ tùy miên biến hành. Đối với nó luôn khởi tâm bất tương ứng hành, nên do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên hữu lậu cùng các tùy miên biến hành.

Hỏi: Tà kiến-nghi tương ứng với vô minh do thấy diệt mà đoạn trừ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do thấy diệt mà đoạn trừ các tà kiến-nghi, và do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên hữu lậu, cùng các thứ tùy miên tùy miên biến hành. Đối với pháp mà nó tương ứng, do thấy diệt mà đoạn trừ các thứ tà kiến và các nghi tương ứng với vô minh, hoặc do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên hữu lậu, hoặc các tùy miên biến hành, vì nó luôn khởi tâm bất tương ứng hành, nên thấy diệt mà đoạn trừ các duyên hữu lậu, cùng các thứ tùy miên biến hành.

Hỏi: Tà kiến không tương ứng với vô minh do thấy diệt mà đoạn trừ có bao nhiêu thứ tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do thấy diệt mà đoạn trừ các nghi, và do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên hữu lậu, cùng các tùy miên biến hành. Nơi pháp tương ứng, trừ ra do thấy diệt mà đoạn trừ các tà kiến và vô minh cùng nó tương ứng, còn các thứ khác đều do thấy diệt mà đoạn trừ tất cả cùng các tùy miên biến hành, vì nó luôn khởi tâm bất tương ứng hành, nên do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên hữu lậu và các tùy miên biến hành.

Hỏi: Nghi không tương ứng với vô minh do thấy diệt mà đoạn trừ có bao nhiêu thứ tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do thấy diệt mà đoạn trừ các tà kiến, và do thấy diệt mà

đoạn trừ các duyên hữu lậu, cùng các tùy miên biến hành. Đối với pháp mà nó tương ứng, trừ ra thấy diệt mà đoạn trừ các nghi tương ứng với vô minh, còn các thứ khác đều do thấy diệt mà đoạn trừ tất cả cùng các tùy miên biến hành, vì nó luôn khởi tâm bất tương ứng hành, nên do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên hữu lậu và các thứ tùy miên biến hành.

Hỏi: Tà kiến-nghi không tương ứng với vô minh do thấy diệt mà đoạn trừ có bao nhiêu thứ tùy miên tùy tăng?

Đáp: Do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên hữu lậu và các tùy miên biến hành. Đối với pháp mà nó tương ứng, trừ ra do thấy diệt mà đoạn trừ các tà kiến và nghi tương ứng với vô minh, các thứ khác đều do thấy diệt mà đoạn trừ tất cả cùng các thứ tùy miên biến hành. Đối với nó đều luôn khởi tâm bất tương ứng hành, nên do thấy diệt mà đoạn trừ được các duyên hữu lậu và các thứ tùy miên biến hành.

Do thấy đạo mà đoạn trừ cũng như thế.

Như không hệ thuộc cõi nào, thuộc các cõi Dục-Sắc-Vô sắc cũng như vậy.

Hỏi: Tà kiến tương ứng với vô minh do thấy diệt mà đoạn trừ: Có bao nhiêu thứ tùy miên là sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng? Có bao nhiêu thứ tùy miên tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên? Có bao nhiêu thứ tùy miên là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng? Có bao nhiêu thứ tùy miên không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải là tương ứng?

Đáp: Sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng, là do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên hữu lậu và các tùy miên biến hành.

Tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên: Là do thấy diệt mà đoạn trừ các tà kiến.

Sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng, là Không có điều này.

Không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải tương ứng, là trừ ra do thấy diệt mà đoạn trừ tà kiến, còn các thứ khác đều do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên vô lậu, và do thấy khổ-tập mà đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, cũng do thấy đạo-tu mà đoạn trừ tất cả các tùy miên.

Đối với pháp tương ứng: Sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng, là do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên hữu lậu và các tùy miên biến hành.

Tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên: Là do thấy diệt mà đoạn trừ các tà kiến tương ứng với vô minh.

Sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng, là Không có điều này.

Không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải tương ứng, là trừ ra do thấy diệt mà đoạn trừ tà kiến tương ứng với vô minh, còn các thứ khác đều do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên vô lậu và do thấy khổ-tập mà đoạn trừ các thứ không phải biến hành, cũng do thấy đạo-tu mà đoạn trừ tất cả các thứ tùy miên. Đối với nó đều luôn khởi tâm bất tương ứng hành, nên do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên hữu lậu và các tùy miên biến hành. Sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải tương ứng. Còn các thứ tùy miên khác không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải là tương ứng.

Hỏi: Nghi tương ứng với vô minh do thấy diệt mà đoạn trừ: Có bao nhiêu thứ tùy miên là sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng? Có bao nhiêu thứ tùy miên tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên? Có bao nhiêu thứ tùy miên là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng? Có bao nhiêu thứ tùy miên không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải là tương ứng?

Đáp: Sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng, là do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên hữu lậu và các tùy miên biến hành.

Tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên: Là do thấy diệt mà đoạn trừ nghi ngờ.

Sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng, là Không có điều này.

Không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải tương ứng, là trừ ra do thấy diệt mà đoạn trừ các nghi, còn các thứ khác đều do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên vô lậu, và do thấy khổ-tập mà đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, cũng do thấy đạo-tu mà đoạn trừ tất cả các tùy miên.

Đối với pháp tương ứng: Sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng, là do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên hữu lậu và các tùy miên biến hành.

Tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên: Là do thấy diệt mà đoạn trừ các nghi tương ứng với vô minh.

Sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng, là Không có điều này.

Không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải tương ứng, là trừ ra do thấy diệt mà đoạn trừ các nghi tương ứng với vô minh, còn các thứ khác đều do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên vô lậu, và do

thấy khổ-tập mà đoạn trừ các thứ không phải biến hành, cũng do thấy đạo-tu mà đoạn trừ tất cả các thứ tùy miên. Đối với nó đều luôn khởi tâm bất tương ứng hành, nên do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên hữu lậu và các tùy miên biến hành. Sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải tương ứng. Còn các thứ tùy miên khác không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải là tương ứng.

Hỏi: Tà kiến-nghi tương ứng với vô minh do thấy diệt mà đoạn trừ: Có bao nhiêu thứ tùy miên là sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng? Có bao nhiêu thứ tùy miên tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên? Có bao nhiêu thứ tùy miên là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng? Có bao nhiêu thứ tùy miên không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải là tương ứng?

Đáp: Sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng, là do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên hữu lậu và các tùy miên biến hành.

Tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên: Là do thấy diệt mà đoạn trừ tà kiến và nghi ngờ.

Sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng, là Không có điều này.

Không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải tương ứng, là trừ ra do thấy diệt mà đoạn trừ tà kiến và các nghi, các thứ khác đều do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên vô lậu, và do thấy khổ-tập mà đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, cũng do thấy đạo-tu mà đoạn trừ tất cả các tùy miên.

Đối với pháp tương ứng: Sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng, là do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên hữu lậu và các tùy miên biến hành.

Tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên: Là do thấy diệt mà đoạn trừ các tà kiến và nghi tương ứng với vô minh.

Sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng, là Không có điều này.

Không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải tương ứng, là trừ ra do thấy diệt mà đoạn trừ tà kiến và các nghi tương ứng với vô minh, còn các thứ khác đều do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên vô lậu, và do thấy khổ-tập mà đoạn trừ các thứ không phải biến hành, cũng do thấy đạo-tu mà đoạn trừ tất cả các thứ tùy miên. Đối với nó luôn khởi tâm bất tương ứng hành, nên do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên hữu lậu và các tùy miên biến hành. Sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải tương ứng. Còn các thứ tùy miên khác không phải là sở duyên vốn là

tùy tăng mà cũng không phải là tương ứng.

Hỏi: Tà kiến không tương ứng với vô minh do thấy diệt mà đoạn trừ: Có bao nhiêu thứ tùy miên là sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng? Có bao nhiêu thứ tùy miên tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên? Có bao nhiêu thứ tùy miên là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng? Có bao nhiêu thứ tùy miên không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải là tương ứng?

Đáp: Sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng, là do thấy diệt mà đoạn trừ vô minh duyên hữu lậu và các thứ tùy miên biến hành.

Tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên: Là do thấy diệt mà đoạn trừ các nghi.

Sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng, là trừ ra do thấy diệt mà đoạn trừ vô minh duyên hữu lậu, còn các thứ khác đều do thấy diệt mà đoạn trừ các thứ tùy miên duyên hữu lậu.

Không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải là tương ứng, là trừ ra do thấy diệt mà đoạn trừ các thứ nghi, còn các thứ khác đều do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên vô lậu, và do thấy khổ-tập mà đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, cũng do thấy đạo-tu mà đoạn trừ tất cả các thứ tùy miên.

Đối với pháp tương ứng: Sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng, là các tùy miên biến hành.

Tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên: Là trừ ra do thấy diệt mà đoạn trừ tà kiến tương ứng với vô minh, còn các thứ khác đều do thấy diệt mà đoạn trừ các thứ tùy miên duyên vô lậu.

Sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng, là do thấy diệt mà đoạn trừ các tùy miên duyên hữu lậu.

Không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải tương ứng, là do thấy diệt mà đoạn trừ tà kiến tương ứng với vô minh, hoặc do thấy khổ-tập mà đoạn trừ các thứ không phải biến hành, hoặc do thấy đạo và tu mà đoạn trừ tất cả các thứ tùy miên. Đối với nó đều luôn khởi tâm bất tương ứng hành, nên do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên hữu lậu và các tùy miên biến hành. Sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải tương ứng. Còn các thứ tùy miên khác không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải là tương ứng.

Hỏi: Nghi không tương ứng với vô minh do thấy diệt mà đoạn trừ: Có bao nhiêu thứ tùy miên là sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng? Có bao nhiêu thứ tùy miên tương ứng vốn là tùy tăng mà

không phải là sở duyên? Có bao nhiêu thứ tùy miên là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng? Có bao nhiêu thứ tùy miên không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải là tương ứng?

Đáp: Sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng, là do thấy diệt mà đoạn trừ vô minh duyên hữu lậu và các thứ tùy miên biến hành.

Tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên: Là do thấy diệt mà đoạn trừ tà kiến.

Sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng, là trừ ra do thấy diệt mà đoạn trừ vô minh duyên hữu lậu, còn các thứ khác đều do thấy diệt mà đoạn trừ các thứ tùy miên duyên hữu lậu.

Không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải tương ứng, là trừ ra do thấy diệt mà đoạn trừ các tà kiến, còn các thứ khác đều do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên vô lậu và do thấy khổ-tập mà đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, cũng do thấy đạo-tu mà đoạn trừ tất cả các thứ tùy miên.

Đối với pháp tương ứng: Sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng, là các tùy miên biến hành.

Tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên: Là trừ ra do thấy diệt mà đoạn trừ các nghi tương ứng với vô minh, còn các thứ khác đều do thấy diệt mà đoạn trừ các thứ tùy miên duyên vô lậu.

Sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng, là do thấy diệt mà đoạn trừ các tùy miên duyên hữu lậu.

Không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải tương ứng, là do thấy diệt mà đoạn trừ các nghi tương ứng với vô minh, hoặc do thấy khổ-tập mà đoạn trừ các thứ không phải biến hành, hoặc do thấy đạo và tu mà đoạn trừ tất cả các thứ tùy miên. Đối với nó đều luôn khởi tâm bất tương ứng hành, nên do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên hữu lậu và các tùy miên biến hành. Sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải tương ứng. Còn các thứ tùy miên khác không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải là tương ứng.

Hỏi: Tà kiến-nghi không tương ứng với vô minh do thấy diệt mà đoạn trừ: Có bao nhiêu thứ tùy miên là sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng? Có bao nhiêu thứ tùy miên tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên? Có bao nhiêu thứ tùy miên là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng? Có bao nhiêu thứ tùy miên không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải là tương ứng?

Đáp: Sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng, là do thấy diệt mà đoạn trừ vô minh duyên hữu lậu và các thứ tùy miên biến hành.

Tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên: Là không có điều này.

Sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng, là trừ ra do thấy diệt mà đoạn trừ vô minh duyên hữu lậu, còn các thứ khác đều do thấy diệt mà đoạn trừ các thứ tùy miên duyên hữu lậu.

Không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải là tương ứng, là do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên vô lậu, do thấy khổ-tập mà đoạn trừ các thứ không phải là biến hành, cũng do thấy đạo-tu mà đoạn trừ tất cả các thứ tùy miên.

Đối với pháp tương ứng: Sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng, là các tùy miên biến hành.

Tương ứng vốn là tùy tăng mà không phải là sở duyên: Là trừ ra do thấy diệt mà đoạn trừ tà kiến và nghi tương ứng với vô minh, còn các thứ khác đều do thấy diệt mà đoạn trừ các thứ tùy miên duyên vô lậu.

Sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng là tương ứng, là do thấy diệt mà đoạn trừ các tùy miên duyên hữu lậu.

Không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải tương ứng, là do thấy diệt mà đoạn trừ tà kiến và nghi tương ứng với vô minh, hoặc do thấy khổ-tập mà đoạn trừ các thứ không phải biến hành, hoặc do thấy đạo-tu mà đoạn trừ tất cả các thứ tùy miên. Đối với nó đều luôn khởi tâm bất tương ứng hành, nên do thấy diệt mà đoạn trừ các duyên hữu lậu và các tùy miên biến hành. Sở duyên vốn là tùy tăng mà không phải là tương ứng. Còn các thứ tùy miên khác không phải là sở duyên vốn là tùy tăng mà cũng không phải là tương ứng.

Do thấy đạo mà đoạn trừ cũng như thế.

Như không hệ thuộc cõi nào, thuộc các cõi Dục-Sắc-Vô sắc thì cũng như vậy.

Hỏi: Các thứ tùy miên duyên hữu lậu, thì các tùy miên ấy tương ứng với sở được duyên nên là tùy tăng chăng?

Đáp: Hoặc là tùy miên tương ứng với sở được duyên nên là tùy tăng, tức các tùy miên ấy duyên hữu lậu. Có tùy miên duyên hữu lậu thì tùy miên ấy không tương ứng với sở được duyên, nên là tùy tăng. Nghĩa là tùy miên biến hành duyên nơi cảnh giới khác. Việc này như thế nào? Tức là các tùy miên thuộc cõi Dục duyên nơi cõi Sắc. Hoặc các tùy miên thuộc cõi Dục duyên nơi cõi Vô sắc. Hoặc các tùy miên thuộc cõi

Sắc duyên nơi cõi Vô sắc. Hoặc các tùy miên thuộc cõi Dục duyên nơi cõi Sắc-cõi Vô sắc.

Duyên nơi cõi khác cũng vậy.

Hỏi: Các thứ tùy miên duyên vô lậu, thì các tùy miên tương ứng đó vốn là tùy tăng chăng?

Đáp: Hoặc là tùy miên duyên vô lậu là tùy miên tương ứng vốn là tùy tăng. Hoặc có tùy miên tương ứng vốn là tùy tăng, nhưng tùy miên ấy không phải duyên vô lậu, đó là tùy miên biến hành duyên nơi cõi khác. Đây nghĩa là gì? Nghĩa là các thứ tùy miên thuộc cõi Dục duyên nơi cõi Sắc, hoặc các tùy miên thuộc cõi Dục duyên nơi cõi Vô sắc, hoặc các thứ tùy miên thuộc cõi Sắc duyên nơi cõi Vô sắc, hoặc các tùy miên thuộc cõi Dục duyên nơi cõi Sắc hay Vô sắc.

Duyên nơi khác cũng vậy.

Phẩm 6: BIỆN VỀ THÂN GIỮ, Phần 1

Có pháp được hiểu biết, pháp được nhận biết, pháp được thông đạt, pháp sở duyên, pháp tăng thượng, pháp có sắc, pháp không có sắc, pháp có thấy, pháp không thấy, pháp có đối, pháp không có đối, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp hữu tránh, pháp vô tránh, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp đọa giới, pháp không đọa giới, pháp không có vị tham đắm, pháp không vị tham đắm, pháp dựa vào đam mê, pháp dựa vào xuất ly, pháp tâm, pháp không phải tâm, pháp tâm sở, pháp không phải tâm sở, pháp tâm tương ứng, pháp tâm không tương ứng, pháp tâm đều có, pháp không phải tâm đều có, pháp tùy tâm chuyển, pháp không tùy tâm chuyển, pháp tâm làm nhân, pháp tâm không phải làm nhân, pháp tâm là đẳng vô gián, pháp tâm không phải là đẳng vô gián, pháp tâm là sở duyên, pháp tâm không phải là sở duyên, pháp tâm là tăng thượng, pháp không phải tâm là tăng thượng, pháp quả của tâm, pháp không phải quả của tâm, pháp tâm dị thực, pháp không phải tâm dị thực, pháp nghiệp, pháp không phải nghiệp, pháp nghiệp tương ứng, pháp nghiệp không tương ứng, pháp nghiệp đều có, pháp không phải nghiệp đều có, pháp tùy nghiệp chuyển, pháp không tùy nghiệp chuyển, pháp nghiệp là nhân, pháp không phải nghiệp là nhân, pháp nghiệp là đẳng vô gián, pháp nghiệp không phải là đẳng vô gián, pháp nghiệp là sở duyên, pháp không phải nghiệp là sở duyên, pháp nghiệp là tăng thượng, pháp không phải nghiệp là tăng thượng, pháp quả của nghiệp, pháp không phải quả của nghiệp, pháp quả dị thực của nghiệp, pháp không phải quả dị thực của nghiệp, pháp có, pháp không phải có, pháp có tương ứng, pháp có không tương ứng, pháp có đều có, pháp không phải có đều có, pháp tùy có chuyển, pháp không phải tùy có chuyển, pháp có làm nhân, pháp không phải có làm nhân, pháp có làm đẳng vô gián, pháp không phải có làm đẳng vô gián, pháp có làm sở duyên, pháp không phải có làm sở duyên, pháp có là tăng thượng, pháp không phải có là tăng thượng, pháp có quả, pháp không phải có quả, pháp có quả dị thực, pháp không có điều này quả dị thực, pháp biết tất cả, pháp không biết tất cả, pháp cần phải đoạn, pháp không cần phải đoạn, pháp cần phải tu, pháp không cần phải tu, pháp cần phải chứng, pháp không cần phải chứng, pháp cần phải rèn luyện, pháp không cần phải rèn luyện, pháp có tội, pháp không có tội, pháp đen, pháp trắng, pháp hữu phú, pháp vô phú, pháp thuận thối, pháp không thuận thối, pháp hữu ký, pháp vô ký, pháp đã sinh, pháp không

phải đã sinh, pháp đang sinh, pháp không phải đang sinh, pháp đã diệt, pháp không phải đã diệt, pháp đang diệt, pháp không phải đang diệt, pháp duyên khởi, pháp không phải duyên khởi, pháp duyên đã sinh, pháp không phải duyên đã sinh, pháp nhân, pháp không phải nhân, pháp có nhân, pháp không có điều này nhân, pháp nhân đã sinh, pháp không phải nhân đã sinh, pháp nhân tương ứng, pháp không nhân tương ứng, pháp kết, pháp không phải kết, pháp thuận kết, pháp không thuận kết, pháp chấp giữ, pháp không chấp giữ, pháp có chấp thọ, pháp không có chấp thọ, pháp thuận lấy, pháp không phải thuận lấy, pháp phiền não, pháp không phải phiền não, pháp nhiễm ô, pháp không nhiễm ô, pháp tạp nhiễm, pháp không phải tạp nhiễm, pháp ràng buộc, pháp không phải ràng buộc, pháp bị ràng buộc, pháp không phải bị ràng buộc, pháp thuận ràng buộc, pháp không phải thuận ràng buộc, pháp có sở duyên, pháp không có sở duyên, pháp có tâm, pháp không có tâm, pháp có tứ, pháp không có tứ, pháp có hỷ, pháp không có hỷ, pháp có cảnh giác, pháp không có cảnh giác, pháp có sự việc, pháp không có sự việc, pháp có duyên, pháp không có duyên, pháp còn có trên, pháp không còn có trên, pháp xa, pháp gần, pháp có lượng, pháp không có lượng, pháp kiến, pháp không phải kiến, pháp kiến xứ, pháp không phải kiến xứ, pháp kiến tương ứng, pháp kiến không tương ứng, pháp dị sinh pháp, pháp không phải dị sinh pháp, pháp cộng dị sinh, pháp bất cộng dị sinh, pháp định, pháp không phải định, pháp thuận nhiệt não, pháp không phải thuận nhiệt não, pháp cội gốc, pháp không phải cội gốc, pháp Thánh đế thâu giữ, pháp không phải Thánh đế thâu giữ, pháp đều có, pháp không phải đều có, pháp tương ứng, pháp không tương ứng, pháp quả, pháp không phải quả, pháp có quả, pháp không có quả, pháp dị thực, pháp không phải dị thực, pháp có quả dị thực, pháp Không có điều này quả dị thực, pháp nhân duyên, pháp không phải nhân duyên, pháp có nhân duyên, pháp không có nhân duyên, pháp lìa, pháp không phải lìa, pháp có lìa, pháp không có lìa, pháp tiếp nối, pháp không phải tiếp nối, pháp có tiếp nối, pháp không có tiếp nối.

Có ba pháp: Pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký; pháp hữu học, pháp vô học, pháp phi học phi vô học; pháp do kiến đạo mà đoạn trừ, pháp do tu đạo mà đoạn trừ, pháp không có gì đoạn trừ; pháp do kiến đạo mà đoạn làm nhân, pháp do tu đạo mà đoạn làm nhân, pháp không có gì đoạn trừ làm nhân; pháp có thấy có đối, pháp không thấy có đối, pháp không thấy không đối; pháp dị thực, pháp của pháp dị thực, pháp không phải dị thực không phải pháp dị thực; pháp yếu kém, pháp

trung bình, pháp vi diệu; pháp nhỏ, pháp lớn, pháp vô lượng; pháp vừa ý, pháp không vừa ý, pháp không phải vừa ý không phải không vừa ý; pháp vui cùng hành, pháp khổ cùng hành, pháp không khổ không vui cùng hành; pháp đều sinh, pháp đều trụ, pháp đều diệt; pháp không phải đều sinh, pháp không phải đều trụ, pháp không phải đều diệt; pháp tâm đều sinh, pháp tâm đều trụ, pháp tâm đều diệt; pháp không phải tâm đều sinh, pháp không phải tâm đều trụ, pháp không phải tâm đều diệt.

Có ba lãnh vực (giới) là lãnh vực dục, lãnh vực giận dữ, lãnh vực hại.

Lại có ba lãnh vực, là lãnh vực xuất ly, lãnh vực không giận dữ, lãnh vực không hại.

Lại có ba cõi, đó là cõi Dục, cõi Sắc-cõi Vô sắc.

Lại có ba cõi, đó là cõi Sắc-cõi Vô sắc, cõi diệt.

Có ba hữu, đó là dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.

Có ba lậu, đó là dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

Có ba đời, đó là đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại

Có ba việc dựa vào lời nói, đó là: Việc dựa vào lời nói thời quá khứ, việc dựa vào lời nói thời vị lai, việc dựa vào lời nói thời hiện tại.

Có ba tính chất khổ, đó là: Tính chất khổ khổ, tính chất hành khổ, tính chất hoại khổ.

Có ba pháp, đó là pháp có tâm có tứ, pháp không tâm chỉ có tứ và pháp không tâm không tứ.

Có ba địa, đó là địa có tâm có tứ, địa không tâm chỉ có tứ và địa không tâm không tứ.

Có ba nghiệp, đó là nghiệp của thân, nghiệp của lời nói và nghiệp của ý nghĩ.

Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp thiện, nghiệp bất thiện (nghiệp dữ) và nghiệp vô ký.

Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp hữu học, nghiệp vô học và nghiệp phi học phi vô học.

Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp do thấy mà đoạn trừ, nghiệp do tu mà đoạn trừ, nghiệp không có gì đoạn trừ.

Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp thuận với hiện pháp mà thọ nhận, nghiệp thuận với đời kế tiếp mà thọ nhận và nghiệp thuận với đời sau đời kế tiếp mà thọ nhận.

Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp thuận thọ vui, nghiệp thuận thọ khổ, nghiệp thuận thọ không khổ không vui.

Có bốn pháp niệm trụ, đó là:

1. Thân niệm trụ.
2. Thọ niệm trụ.
3. Tâm niệm trụ.
4. Pháp niệm trụ.

- Có bốn pháp chánh đoạn, đó là:

1. Các điều ác, bất thiện đã sinh thì khiến dứt hẳn, siêng năng tu tập pháp chánh đoạn.
2. Các điều ác, bất thiện chưa sinh thì khiến vĩnh viễn không sinh, siêng năng tu tập pháp chánh đoạn.
3. Các điều thiện chưa sinh thì khiến sinh, siêng năng tu tập pháp chánh đoạn.
4. Các điều thiện đã sinh thì khiến trụ vững chắc, không quên, tu đầy đủ, càng thêm rộng khiến trí tác chứng, siêng năng tu tập pháp chánh đoạn.

- Có bốn pháp thần túc, đó là:

1. Thần túc dục Tam-ma-địa đoạn hạnh thành tựu.
2. Thần túc cần Tam-ma-địa đoạn hạnh thành tựu.
3. Thần túc tâm Tam-ma-địa đoạn hạnh thành tựu.
4. Thần túc quán Tam-ma-địa đoạn hạnh thành tựu.

- Có bốn tĩnh lự, đó là:

1. Tĩnh lự thứ nhất.
2. Tĩnh lự thứ hai.
3. Tĩnh lự thứ ba.
4. Tĩnh lự thứ tư.

- Có bốn Thánh đế, đó là:

1. Khổ thánh đế.
2. Tập thánh đế.
3. Diệt thánh đế.
4. Đạo thánh đế.

- Có bốn tâm vô lượng, đó là:

1. Từ vô lượng.
2. Bi vô lượng.
3. Hỷ vô lượng.
4. Xả vô lượng.

- Có bốn vô sắc:

1. Không vô biên xứ.
2. Thức vô biên xứ.

- 3. Vô sở hữu xứ.
- 4. Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
- Có bốn Thánh chủng, đó là:
 - 1. Thánh chủng tùy chỗ được y phục mà vui đủ.
 - 2. Thánh chủng tùy chỗ được ăn uống mà vui đủ.
 - 3. Thánh chủng tùy chỗ được ngọa cụ mà vui đủ.
 - 4. Thánh chủng thích đoạn trừ, vui tu tập.
- Có bốn quả Sa-môn, đó là:
 - 1. Quả Dự lưu.
 - 2. Quả Nhất lai.
 - 3. Quả Bất hoàn.
 - 4. Quả A-la-hán.
- Có bốn thứ trí, đó là:
 - 1. Pháp trí.
 - 2. Loại trí.
 - 3. Tha tâm trí.
 - 4. Thế tục trí.
- Lại có bốn thứ trí, đó là:
 - 1. Khổ trí.
 - 2. Tập trí.
 - 3. Diệt trí.
 - 4. Đạo trí.
- Có bốn thứ hiểu rõ vô ngại, đó là:
 - 1. Hiểu rõ pháp vô ngại.
 - 2. Hiểu rõ nghĩa vô ngại.
 - 3. Hiểu rõ lời vô ngại.
 - 4. Hiểu rõ biện luận vô ngại.
- Có bốn thứ duyên, đó là:
 - 1. Nhân duyên.
 - 2. Đẳng vô gián duyên.
 - 3. Sở duyên duyên.
 - 4. Tăng thượng duyên.
- Có bốn cách ăn, đó là:
 - 1. Ăn bằng vật thực, có thô và tế.
 - 2. Ăn bằng tiếp xúc.
 - 3. Ăn bằng ý tứ (ý nghĩ).
 - 4. Ăn bằng thức.
- Có bốn dòng thác (bộc lưu), đó là:

1. Bộc lưu dục.
 2. Bộc lưu hữu.
 3. Bộc lưu kiến.
 4. Bộc lưu vô minh.
- Có bốn ách nặng, đó là:
1. Ách dục.
 2. Ách hữu.
 3. Ách kiến.
 4. Ách vô minh.
- Có bốn thứ chấp giữ.
1. Chấp giữ về dục.
 2. Chấp giữ về kiến.
 3. Chấp giữ về giới cấm.
 4. Chấp giữ về ngã ngữ.
- Có bốn thứ pháp, đó là:
1. Pháp quá khứ.
 2. Pháp vị lai.
 3. Pháp hiện tại.
 4. Pháp không phải quá khứ -vị lai-hiện tại.
- Lại có bốn thứ pháp, đó là:
1. Pháp thuộc cõi Dục.
 2. Pháp thuộc cõi Sắc.
 3. Pháp thuộc cõi Vô sắc.
 4. Pháp không hệ thuộc.
- Lại có bốn thứ pháp, đó là:
1. Pháp thiện làm nhân.
 2. Pháp bất thiện làm nhân.
 3. Pháp vô ký làm nhân.
 4. Pháp không phải pháp thiện - không phải pháp bất thiện
- không phải pháp vô ký làm nhân.
- Lại có bốn thứ pháp, đó là:
1. Pháp duyên có sở duyên.
 2. Pháp duyên không có sở duyên.
 3. Pháp duyên có sở duyên- duyên không có sở duyên.
 4. Pháp không phải duyên có sở duyên- không phải duyên không có sở duyên.
- Có năm uẩn, đó là:
1. Sắc uẩn.

2. Thọ uẩn.
 3. Tưởng uẩn.
 4. Hành uẩn.
 5. Thức uẩn.
- Có năm thủ uẩn, đó là:
1. Sắc thủ uẩn.
 2. Thọ thủ uẩn.
 3. Tưởng thủ uẩn.
 4. Hành thủ uẩn.
 5. Thức thủ uẩn.
- Có năm cõi (đường), đó là:
1. Cõi Nại-lạc-ca (địa ngục).
 2. Cõi bàng sinh.
 3. Cõi quý.
 4. Cõi người.
 5. Cõi trời.
- Có năm bộ phiền não, đó là:
1. Bộ phiền não do thấy khổ mà đoạn trừ.
 2. Bộ phiền não do thấy tập mà đoạn trừ.
 3. Bộ phiền não do thấy diệt mà đoạn trừ.
 4. Bộ phiền não do thấy đạo mà đoạn trừ.
 5. Bộ phiền não do tu mà đoạn trừ.
- Có năm pháp, đó là:
1. Sắc pháp.
 2. Tâm pháp.
 3. Tâm sở pháp.
 4. Tâm bất tương ứng hành pháp.
 5. Vô vi pháp.
- Có sáu giới, đó là:
1. Địa giới.
 2. Thủy giới.
 3. Hỏa giới.
 4. Phong giới.
 5. Không giới.
 6. Thức giới.
- Có sáu pháp, đó là:
1. Pháp do thấy khổ đoạn trừ.
 2. Pháp do thấy tập mà đoạn trừ.

3. Pháp do thấy diệt mà đoạn trừ.
4. Pháp do thấy đạo mà đoạn trừ.
5. Pháp do tu mà đoạn trừ.
6. Pháp không có gì đoạn trừ.

- Có bảy thứ tùy miên, đó là:

1. Tùy miên dục tham.
2. Tùy miên giận dữ.
3. Tùy miên hữu tham.
4. Tùy miên kiêu mạn.
5. Tùy miên vô minh.
6. Tùy miên kiến.
7. Tùy miên nghi.

- Có bảy thức trụ:

1. Thức trụ thứ nhất: Loài hữu tình có sắc, khác thân- khác tướng, như người và một phần cõi trời.

2. Thức trụ thứ hai: Loài hữu tình có sắc, khác thân- có một tướng, như cõi trời Phạm chúng thời kiếp sơ.

3. Thức trụ thứ ba: Loài hữu tình có sắc, có một thân- khác tướng, như cõi trời Cực quang tịnh.

4. Thức trụ thứ tư: Loài hữu tình có sắc, có một thân- một tướng, như cõi trời Biến tịnh.

5. Thức trụ thứ năm: Loài hữu tình vô sắc, vượt lên tất cả sắc tướng, diệt hết các tướng có đối, không suy nghĩ về các thứ tướng, nhập vào không vô biên, trụ đầy đủ vào Không vô biên xứ, như cõi trời Không vô biên xứ.

6. Thức trụ thứ sáu: Loài hữu tình vô sắc, vượt lên tất cả Không vô biên xứ, nhập vào vô biên thức, trụ đầy đủ vào Thức vô biên xứ, như cõi trời Thức vô biên xứ.

7. Thức trụ thứ bảy: Loài hữu tình vô sắc, vượt lên tất cả Thức vô biên xứ, nhập vào vô sở hữu, trụ đầy đủ vào Vô sở hữu xứ, như cõi trời Vô sở hữu xứ.

- Có bảy giác chi, đó là:

1. Niệm đẳng giác chi.
2. Trạch pháp đẳng giác chi.
3. Tinh tiến đẳng giác chi.
4. Hỷ đẳng giác chi.
5. Khinh an đẳng giác chi.
6. Định đẳng giác chi.

7. Xả đẳng giác chi.

- Có tám thứ giải thoát, đó là:

1. Bên trong có sắc quán các sắc (giải thoát thứ nhất).
2. Bên trong không có sắc tưởng, quán các sắc ở ngoài.
3. Thân tịnh giải thoát, tác chứng trụ đầy đủ.
4. Vượt lên tất cả sắc tưởng, diệt hết các tưởng có đối, không suy nghĩ các thứ tưởng, nhập vào không vô biên, trụ đầy đủ vào Không vô biên xứ.
5. Vượt lên tất cả không vô biên xứ, nhập vào vô biên thức, trụ đầy đủ vào Thức vô biên xứ.
6. Vượt lên tất cả thức vô biên xứ, nhập vào vô sở hữu, trụ đầy đủ vào Vô sở hữu xứ.
7. Vượt lên tất cả vô sở hữu xứ, nhập và trụ đầy đủ vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
8. Vượt lên tất cả phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhập và trụ đầy đủ vào tưởng thọ diệt thân tác chứng.

- Có tám thắng xứ, đó là:

1. Bên trong có sắc tưởng, quán ít sắc bên ngoài hoặc đẹp, hoặc xấu, đối với các sắc đều thấy biết rõ ràng. Đầy đủ các tưởng như thế gọi là thắng xứ thứ nhất.
2. Bên trong có sắc tưởng, quán nhiều sắc bên ngoài, đối với sắc đó hoặc đẹp, hoặc xấu, đều thấy biết rõ ràng. Đầy đủ các tưởng như thế gọi là thắng xứ thứ hai.
3. Bên trong Không có điều này sắc tưởng, quán ít sắc bên ngoài, đối với các sắc đó hoặc đẹp, hoặc xấu, đều thấy biết rõ ràng. Đầy đủ các tưởng như thế gọi là thắng xứ thứ ba.
4. Bên trong Không có điều này sắc tưởng, quán nhiều sắc bên ngoài, đối với các sắc đó hoặc đẹp, hoặc xấu, đều thấy biết rõ ràng. Đầy đủ các tưởng như thế gọi là thắng xứ thứ tư.
5. Bên trong Không có điều này sắc tưởng, quán các sắc bên ngoài, như màu xanh hiện rõ ràng, ánh sáng xanh như hoa Ô-mạc-ca, hay áo nhuộm màu xanh đậm của xứ Bà-la-ni-tư, màu xanh có ánh sáng xanh hiện bày; bên trong không có sắc tưởng, quán các sắc bên ngoài, như màu xanh hiện rõ ràng cũng như thế. Đối với các sắc đó thấy biết rõ ràng, đầy đủ các tưởng như thế gọi là thắng xứ thứ năm.
6. Bên trong Không có điều này sắc tưởng, quán các sắc bên ngoài, hoặc màu vàng có ánh sáng vàng hiện bày rõ cũng như hoa yết-ni-ca, hoặc áo nhuộm màu vàng sậm của xứ Bà-la-ni-tư, hoặc màu vàng có

ánh sáng vàng hiện bày; bên trong Không có điều này sắc tướng, quán các sắc bên ngoài mà thấy màu vàng, ánh sắc vàng hiện bày rõ cũng thế. Đối với các sắc đó thấy biết rõ ràng, đầy đủ các tướng như thế là thắng xứ thứ sáu.

7. Bên trong Không có điều này sắc tướng, quán các sắc bên ngoài, hoặc màu đỏ có ánh sắc đỏ hiện bày cũng như màu đỏ hoa Bàn-đậu-thi-phước-ca, hoặc áo nhuộm màu đỏ sậm nơi xứ Bà-la-ni-tư, hoặc màu đỏ có ánh sáng sắc đỏ hiện bày rõ; bên trong Không có điều này sắc tướng, quán các sắc bên ngoài, hoặc màu đỏ có ánh sắc đỏ hiện bày cũng vậy. Đối với các sắc đó thấy biết rõ ràng, đầy đủ các tướng như thế là thắng giải thứ bảy.

8. Bên trong Không có điều này sắc tướng, quán các sắc bên ngoài, hoặc màu trắng có sắc trắng hiện bày như ánh sáng ngôi sao Ô-sát-tư, hoặc áo trắng tinh trong xứ Bà-la-ni-tư, hoặc màu trắng có ánh trắng hiện bày; bên trong Không có điều này sắc tướng, quán các sắc bên ngoài thấy màu trắng có sắc hiện bày cũng thế. Đối với các sắc đó mà thấy biết rõ ràng, đầy đủ các tướng như thế là thắng xứ thứ tám.

- Có tám chi Thánh đạo, đó là:

1. Chánh kiến.
2. Chánh tư duy.
3. Chánh ngữ.
4. Chánh nghiệp.
5. Chánh mạng.
6. Chánh tinh tiến.
7. Chánh niệm.
8. Chánh định.

